

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B TỈNH LÂM
ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21** /2022/DS-ST

Ngày: 27-6-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Hà**

Bà **Nguyễn Thị Tài**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến B**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 208, đường Hàm Nghi, tổ 17, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn L** và bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 51, đường Lê Duẩn, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Long và bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Tiến B trình bày: Vào ngày 13/3/2019 ông Nguyễn Tiến B có cho vợ chồng ông Nguyễn L và bà Vũ Thị N địa chỉ số 51, đường Lê Duẩn, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vay số tiền 900.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/ năm, thời hạn vay từ ngày

13/3/2019 đến ngày 17/3/2019, ông B đã giao đủ số tiền trên cho vợ chồng ông Long bà N, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Khi vay vợ chồng ông Long bà N có thể chấp cho ông B 01 giấy CN QSD đất số BY 138814 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/12/2014 cho ông Nguyễn Toàn bà Nguyễn Thị Thủy đã chuyển nhượng sang tên cho ông Nguyễn L bà Vũ Thị N. Sau khi nhận đủ tiền vợ chồng ông Long bà N đã viết giấy nợ cho ông B.

Tuy nhiên sau khi vợ chồng ông Long bà N nhận tiền đã bỏ đi khỏi địa phương.

Toàn bộ quá trình vay nợ vợ chồng ông Long bà N chưa trả cho ông Nguyễn Tiến B bất kì khoản tiền cả gốc và lãi suất phát sinh.

Nay ông Nguyễn Tiến B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn L bà Vũ Thị N trả cho ông B số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng + lãi suất phát sinh trong hạn là 20%/ năm từ ngày 13/03/2019 đến ngày 17/3/2019 là 2.000.000 đồng (làm tròn) và lãi suất quá hạn là 900.000.000 đồng x 150% x 20%/ năm từ ngày 18/3/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn L bà Vũ Thị N đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì vợ chồng ông Nguyễn L bà Vũ Thị N vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn L bà Vũ Thị N trả cho ông Nguyễn Tiến B số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng + lãi suất phát sinh trong hạn là 20%/ năm từ ngày 13/03/2019 đến ngày 17/3/2019 là 2.000.000 đồng và lãi suất quá hạn là 900.000.000 đồng x 150% x 20%/ năm từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/6/2022 là 863.473.500 đồng, tổng tiền lãi là 865.473.500 đồng, tổng cộng số tiền gốc là tiền lãi là 1.765.473.500 đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vợ chồng ông Nguyễn L bà Vũ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả

kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền*: Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến B khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N phải trả số tiền gốc là 900.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến B, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện*:

Theo hợp đồng vay tiền giải chấp ngân hàng ngày 13/3/2019 thể hiện ngày 13/3/2019 ông Nguyễn Tiến B có cho vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N vay số tiền 900.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/ năm, thời hạn vay từ ngày 13/3/2019 đến ngày 17/3/2019, ông B đã giao đủ số tiền trên cho vợ chồng ông Long bà N, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Khi vay vợ chồng ông Long bà N có thể chấp cho ông B 01 giấy CN QSD đất số BY 138814 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/12/2014 cho ông Nguyễn Toàn bà Nguyễn Thị Thủy đã chuyển nhượng sang tên cho ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Long bà N đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Chứng tỏ, ngày 13/3/2019 ông B cho vợ chồng ông Long bà N vay số tiền 900.000.000 đồng, hẹn đến ngày 17/3/2019 thì trả nợ số tiền trên, sau khi nhận đủ tiền thì vợ chồng ông Long bà N đã ký tên bên vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/ năm. Tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông Long bà N chưa trả tiền nợ là đúng sự thật nên khi Tòa án triệu tập đến làm rõ yêu cầu khởi kiện của ông B thì vợ chồng ông Long bà N đều vắng mặt. Do vậy, nay ông B khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông Long bà N có trách nhiệm trả số tiền gốc là 900.000.000 đồng là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Long bà N vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn ông B xuất trình hợp đồng vay tiền giải chấp ngân hàng ngày 13/3/2019 thể hiện ông B cho vợ chồng ông Long bà N vay tiền với mức lãi suất 20%/ tháng, từ khi vay đến nay vợ chồng ông Long bà N chưa trả tiền lãi nên ông B yêu cầu lãi suất phát sinh trong hạn là 20%/ năm từ ngày 13/03/2019 đến ngày 17/3/2019 là 2.000.000 đồng (làm tròn) và lãi suất quá hạn là 900.000.000 đồng x 150% x 20%/ năm từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/6/2022 là 863.473.500 đồng, tổng cộng tiền lãi là 865.473.500 đồng là đúng pháp luật. Do vậy, tổng cộng cả tiền nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Tiến B là 1.765.743.500 đồng.

[4]. Về án phí: Do vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 1.765.743.500 đồng nên cần buộc vợ chồng ông Long bà

N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (3% x 965.743.500 đồng) = 64.972.305 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho ông Nguyễn Tiến B với số tiền là 1.765.743.500 đồng (*Một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 865.743.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-6-2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Lbà Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.972.305 đồng.

Ông Nguyễn Tiến B được nhận lại số tiền 31.335.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004293 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự H. Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hà Nguyễn Thị Tài

Trần Thị Hà Vi

